**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ ĐIỆN BÀN**
**TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/ 6/2021
V/v " Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con và nợ chung"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Thái Điền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Hoàng.

2. Bà Lương Thị Kim Anh.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Hồ Quốc Việt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam*** *tham gia phiên toà:* Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nợ chung " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T - Sinh năm 2000. (có mặt)

ĐKHKTT: Thôn Giáng Đ, xã Hòa C, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

Trú tại: Tổ 06, 16 Bầu C 16, xã Hòa C, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

*2. Bị đơn:* Ông Lương Văn C – Sinh năm 1994. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khối Hà My T, phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Văn L – Sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 06, 16 Bầu C 16, xã Hòa C, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

1.Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Lương Văn C kết hôn với nhau vào ngày 06 tháng 12 năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã sinh được một con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không đồng cùng chung mục đích hôn nhân, thường xuyên xãy ra cải vả. Bà T và ông C đã ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà Nguyễn Thị Bích T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lương Văn C.

2. Về nuôi con chung: Bà T và ông C có 01 con chung.

Lương Nguyễn Nhã U - Sinh ngày 26 tháng 5 năm 2020. Hiện nay cháu U đang ở với bà T. Nếu ly hôn, bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu được nuôi con Lương Nguyễn Nhã U và yêu cầu ông Lương Văn C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung: Không có. Về chia nợ chung: Theo lời khai của bà T thì bà T và ông C có nợ của ông Nguyễn Văn L (là cha ruột của bà T) số tiền 25.000.000 đồng. Nếu ly hôn thì bà T và ông C phải trả cho ông L số tiền trên, khi mượn tiền thì không có giấy tờ gì vì quan hệ cha con trong gia đình.

Ngoài yêu cầu trên bà Nguyễn Thị Bích T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lương Văn C không có mặt tại phiên toà.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22 tháng 01 năm 2021 ông Lương Văn C trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà T là đúng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng với gia đình và đã có một con chung với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông C làm ăn thua lỗ nên xảy ra cải nhau. Vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2020. Bà T về nhà cha mẹ ruột sống từ đó cho đến nay. Bà T yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông C không đồng ý ly hôn. Ông C đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ chung sống.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung.

Lương Nguyễn Nhã U - Sinh ngày 26 tháng 5 năm 2020. Hiện nay cháu U đang ở với bà T. Nếu bà T cương quyết ly hôn thì ông C giao con cho bà T nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Văn L là cha ruột của bà Nguyễn Thị Bích T. Vào tháng 9 năm 2020 vợ chồng bà T, ông C có mượn của ông L số tiền là 25.000.000 đồng để mua xe trả góp. Khi mượn do tin tưởng bà T, ông C là con trong nhà nên ông L không yêu cầu viết giấy mượn tiền.

Nay vợ chồng bà T, ông C ly hôn thì ông Nguyễn Văn L yêu cầu bà T, ông C phải trả cho ông số tiền 25.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Trường hợp ông Lương Văn C không nhận nợ thì ông Nguyễn Văn L không yêu cầu bà T, ông C phải trả số nợ trên. Ông Nguyễn Văn L không có yêu cầu độc lập.

Ngoài ý kiến trên, ông L không có ý kiến gì thêm.

Sau khi Toà án thụ lý vụ án, đã tiến hành các thủ tục theo quy định của BLTTDS, triệu tập đương sự nhưng ông Lương Văn C không chấp hành giấy triệu tập. Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì xác định ông C vẫn đang sinh sống, làm việc và cư trú tại Khối Hà My T, phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nhưng cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập cũng như các giấy tờ khác của Toà án gởi cho ông C.

Toà án tiến hành làm thủ tục cấp, tống đạt thông báo phiên hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng ông Lương Văn C vẫn không chấp hành giấy triệu tập của Toà án.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập cũng như các quy định khác của pháp luật. VKS đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích T đối với ông Lương Văn C. Về con chung giao con là Lương Nguyễn Nhã U, cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: không có. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Lương Văn C và yêu cầu nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và nợ chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, Quảng Nam.

[2] Về tố tụng: Ông Lương Văn C không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, Toà án đã tiến hành lập thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của BLTTDS nhưng ông Lương Văn C vẫn không đến Toà án. Căn cứ vào Điều 227 của BLTTDS Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lương Văn C.

[3] Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Lương Văn C là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Trâm khai là do hai người không cùng chung mục đích hôn nhân, thường xuyên xãy ra cải nhau. Bà T và ông C đã ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà Nguyễn Thị Bích T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lương Văn C.

Đối với ông Lương Văn C cho rằng do ông C làm ăn thua lỗ nên xảy ra cải nhau. Vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2020. Bà T về nhà cha mẹ ruột sống từ đó cho đến nay. Bà T yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông C không đồng ý ly hôn. Ông C đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ chung sống.

HĐXX xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông C mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài. Ông C không đồng ý ly hôn với bà T nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy ông Lương Văn C có mặt tại địa phương nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Không đến Tòa án trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật. Như vậy, đời sống chung giữa bà T và ông C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn ông Lương Văn C là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: Bà Trâm và ông Cường có 01 con chung:

Lương Nguyễn Nhã U - Sinh ngày 26 tháng 5 năm 2020.

Hiện nay con Lương Nguyễn Nhã U, đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con Lương Nguyễn Nhã U và yêu cầu ông Lương Văn C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Ông Lương Văn C cho rằng nếu ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà T nuôi nhưng ông chỉ cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà T thay đổi lời khai, bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ. Xét thấy cháu Lương Nguyễn Nhã U còn nhỏ nên việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục rất cần thiết trong giai đoạn này. Con của bà T từ nhỏ đến nay đang sống cùng với bà T. Ông Lương Văn C không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không đến Tòa án để có ý kiến về con chung.

Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu Lương Nguyễn Nhã U cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu U thành niên (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lương Văn C có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

[5] Về chia tài sản chung: không có. Về chia nợ chung: Theo lời khai của bà T thì bà T và ông C có nợ của ông Nguyễn Văn L (là cha ruột của bà T) số tiền 25.000.000 đồng. Nếu ly hôn thì bà T và ông C phải trả cho ông L số tiền trên. Tuy nhiên, ông Lương Văn C không chấp nhận lời khai của bà T, không có nợ tiền của ông Nguyễn Văn L.

Ông Nguyễn Văn L khai: Vợ chồng bà T, ông C có mượn của ông L số tiền là 25.000.000 đồng để mua xe trả góp. Tuy nhiên, nếu ông Lương Văn C không nhận nợ thì ông Nguyễn Văn L cũng không yêu cầu bà T, ông C phải trả số nợ trên. Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu về chia nợ chung của bà T và ông C là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ điều 147 của BLTTDS; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì *các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho bà Nguyễn Thị Bích T ly hôn ông Lương Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao con Lương Nguyễn Nhã U - Sinh ngày 26 tháng 5 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu U thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu ông Lương Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lương Văn C được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không có. Về chia nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về nợ chung của bà T, ông C.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004290 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Điền**

**Nơi nhận**
- Toà án Tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Các đương sự;
- CCTHADS thị xã;
- UBND phường Điện D;
- Lưu hồ sơ.